

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 15/11/2019

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khóa và Bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn - Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở TAND tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 242/2019/TLST-HNGĐ ngày 09/9/2019 về việc “ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2019/QĐXX-ST ngày 10 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh ngày 23/6/1994;

Nơi đăng ký HKTT: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Địa chỉ: thôn T, xã A, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N1, sinh ngày 22/5/1990;

Địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Địa chỉ hiện tại: M.

Tại phiên tòa vắng mặt chị N và anh N1 (chị N có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, chị N1 trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn N1 được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách, quan điểm sống giữa hai người có nhiều cách biệt và bất đồng về quan điểm sống nên hai bên thường xuyên xảy ra tranh cãi và đánh nhau. Do việc mâu thuẫn vợ chồng kéo dài chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở, hai vợ chồng sống ly thân. Hai bên gia đình đã động viên, khuyên bảo để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Đến cuối năm 2012, anh N1 đi lao động tại M. Từ thời điểm anh N1 đi nước ngoài đến nay, vợ chồng chị không liên lạc, quan tâm nhau. Chị N nhận thấy vợ chồng ly thân đã lâu, không còn tình cảm vợ chồng, cả hai bên không đem lại hạnh phúc cho nhau, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh N1 để hai bên ổn định cuộc sống.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị N và anh N1 không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình: Chị N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của ông Nguyễn Văn C là bố của anh Nguyễn Văn N1. Tại các biên bản lấy lời khai ngày 09/9/2019 và 25/9/2019 ông C trình bày: Anh N1 và chị N kết hôn từ đầu năm 2012. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại gia đình ông tại thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Trong thời gian chung sống với nhau, anh N1 và chị N thường xuyên mâu thuẫn dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Chị N đã bỏ về gia đình nhà bố mẹ đẻ ở từ khi anh N1 đi lao động tại M năm 2012. Anh N1 đã được ông thông báo các nội dung văn bản tố tụng của Tòa án gửi và anh N1 cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn. Chị N làm đơn xin ly hôn, anh N1 hoàn toàn đồng ý. Anh N1 và chị N kết hôn nhưng không có con chung. Do anh N1 không cung cấp địa chỉ cụ thể ở M nên ông không thể cung cấp cho Tòa án. Ông chỉ liên lạc với anh N1 khi anh N1 điện thoại về.

Theo thông tin do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cung cấp tại Công văn số 15757/QLXNC-P5 ngày 02/10/2019 thể hiện: Anh Nguyễn Văn N1, sinh ngày 22/5/1990 tại Hải Dương, CMND số: 142812415, khai địa chỉ thường trú tại: xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương; đã được Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp hộ chiếu số

B7324840 ngày 30/11/2012 có giá trị đến ngày 30/11/2022; có thông tin xuất cảnh ngày 31/01/2013 qua cửa khẩu Tân Sơn Nhất bằng hộ chiếu nêu trên, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N và bị đơn anh Nguyễn Văn N1 đều vắng mặt (chị N có đơn xin xét xử vắng mặt)

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Đối với các đương sự là người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; Về hướng giải quyết vụ án: Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương xác định do thời hạn chuẩn bị xét xử chưa hết nên đề nghị HĐXX cần tiếp tục yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ, hết thời hạn chuẩn bị xét xử thì sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật. Do đó, đại diện VKSND tỉnh Hải Dương không phát biểu quan điểm về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1] Về Tố tụng: Chị Nguyễn Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Văn N1. Anh N1 hiện đang sinh sống tại M. Do đó TAND tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết là đúng quy định về thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 37; Điều 39; Điều 464 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn N1 được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng

chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống cũng như trong việc làm ăn kinh tế. Hiện nay, anh N đang lao động tại M còn chị N ở Việt Nam. Giữa anh chị không có sự liên lạc với nhau, tình cảm không còn và sống ly thân nhau đã lâu – từ năm 2013 đến nay. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn của chị N và anh N1 là trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Chị N và anh N1 không có con chung nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị N và anh N1 không yêu cầu nên HĐXX không giải quyết.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 464 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị N ly hôn anh Nguyễn Văn N1.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, đối trừ số tiền 300.000đ chị N đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0009579 ngày 06/9/2019 của Cục THADS tỉnh Hải Dương. Chị N đã thi hành xong.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;
- UBND xã H, huyện N;
- Các đơn vị;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Vũ Thanh Tuấn